

Số: **9225** /BCT-TCNLV/v công bố DM tỷ lệ chi phí
công tác Nghiệm thu đóng điện
bàn giao công trình ĐZ & TBAHà Nội, ngày **05** tháng 10 năm 2011

Kính gửi:

- Tập đoàn Điện lực Việt Nam,
- Tổng công ty Truyền tải điện quốc gia,
- Các Sở Công Thương.

Sau khi xem xét nội dung tờ trình số 1456/TTr-NPT ngày 07 tháng 6 năm 2011 và văn bản giải trình bổ sung số 1607/NPT-QLĐT ngày 22 tháng 6 năm 2011 của Tổng công ty Truyền tải điện quốc gia (NPT) về việc công bố định mức tỷ lệ chi phí công tác Nghiệm thu đóng điện bàn giao các công trình đường dây và trạm biến áp, Bộ Công Thương có ý kiến như sau

1. Công bố kèm theo văn bản này danh mục định mức tỷ lệ chi phí cho công tác Nghiệm thu đóng điện bàn giao các công trình đường dây và trạm biến áp tại Phụ lục kèm theo, thay thế định mức tỷ lệ được ban hành tại quyết định số 1977/QĐ-NLTK ngày 27 tháng 7 năm 2004.

2. Không áp dụng định mức tỷ lệ chi phí công bố trên đối với các khối lượng công tác Nghiệm thu đóng điện bàn giao đã được nghiệm thu thanh quyết toán.

3. Căn cứ định mức tỷ lệ chi phí được công bố trên đây, các Chủ đầu tư xem xét chịu trách nhiệm áp dụng, vận dụng định mức tỷ lệ đề lập, phê duyệt dự toán chi phí cho công tác Nghiệm thu đóng điện bàn giao các công trình đường dây và trạm biến áp phù hợp với tình hình thực tế tại các công trình, đồng thời kịp thời đề xuất các nội dung cần bổ sung, hiệu chỉnh khi cần thiết.

Việc thanh toán nghiệm thu thực hiện theo quy định hiện hành ./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT, TCNL.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG****Hoàng Quốc Vượng**

ĐỊNH MỨC TỶ LỆ CHI PHÍ
CÔNG TÁC NGHIỆM THU ĐỒNG ĐIỆN BÀN GIAO
CÔNG TRÌNH ĐƯỜNG DÂY VÀ TRẠM BIẾN ÁP
Ban hành kèm theo văn bản số 9225/BCT-TCNL ngày 05/10/2011

A. CÔNG TRÌNH ĐƯỜNG DÂY VÀ TRẠM BIẾN ÁP TỪ 6 ĐẾN 35 KV:

1. Công trình Đường dây tải điện:

1.1. Trung áp:

- Xây dựng mới:

Bảng 1

STT	Chiều dài tuyến đường dây L (km)	Định mức tỷ lệ % (so với giá trị dự toán xây lắp trước thuế)
1	$L \leq 5$	1,90
2	$5 < L < 15$	1,60
3	$15 \leq L < 30$	0,80
4	$30 \leq L < 50$	0,60
5	$L \geq 50$	0,40

- Đường dây cải tạo, nâng cấp: Áp dụng định mức tỷ lệ tại Bảng 1 với hệ số điều chỉnh $k_{dc}=1,5$.

1.2. Hạ áp: Áp dụng tỷ lệ định mức tại Bảng 1 với hệ số điều chỉnh $k_{dc}=1,4$.

1.3. Đường cáp ngầm:

a. Trung áp:

Bảng 2

STT	Chiều dài tuyến cáp ngầm L (km)	Định mức tỷ lệ % (so với giá trị dự toán xây lắp trước thuế)
1	$L \leq 5$	0,54
2	$L > 5$	0,50

b. Hạ áp: áp dụng định mức tỷ lệ Bảng 2 nhân với hệ số điều chỉnh $k_{dc}=1,5$.

2. Công trình Trạm biến áp:

2.1. Trạm biến áp trung gian:

a. Đối với trạm xây dựng mới:

Bảng 3

STT	Dung lượng TBA S (MVA)	Định mức tỷ lệ % (so với giá trị dự toán xây lắp trước thuế)
1	$S \leq 1$	2,10
2	$S \leq 1,6$	1,89
3	$S \leq 2$	1,60
4	$S > 2$	1,45

b. Đối với trạm biến áp cải tạo, mở rộng:

- Trạm biến áp mở rộng bổ sung thêm máy biến áp, bổ sung thêm thiết bị, không xây dựng thêm các hạng mục khác: Áp dụng định mức tỷ lệ tại Bảng 3 nhân với hệ số điều chỉnh $k_{dc} = 1,2$.

- Trạm biến áp mở rộng thay máy biến áp, có hoặc không thiết bị kèm theo, hạng mục công nghệ kèm theo có khối lượng tương đương như công trình mới: Áp dụng các tỷ lệ định mức tại Bảng 3 nhân hệ số điều chỉnh $k_{dc} = 4$.

2.2. Trạm biến áp phân phối:

a. Xây dựng mới:

Bảng 4

STT	Dung lượng trạm biến áp S (KVA)	Định mức tỷ lệ % (so với giá trị dự toán xây lắp trước thuế)
1	$S \leq 50$	7,20
2	$50 < S \leq 180$	4,05
3	$180 < S \leq 400$	2,70
4	$400 < S \leq 750$	1,80

Ghi chú: Trạm biến áp có công suất lớn hơn > 750 kVA, áp dụng tỷ lệ như trạm biến áp trung gian tương ứng.

b. Trạm biến áp cải tạo mở rộng:

+ Trạm biến áp cải tạo thay MBA, các vật tư thiết bị và hạng mục công nghệ kèm theo có khối lượng tương đương như công trình xây dựng mới: Áp dụng quy định tại Bảng 4.

+ Trạm biến áp chỉ thay MBA và một số vật tư thiết bị nhỏ lẻ, không thay đổi lớn đến kết cấu và các vật tư thiết bị khác của trạm: Áp dụng tỷ lệ định mức quy định tại Bảng 4 nhân với hệ số điều chỉnh $k_{dc}=3,5$.

B. CÔNG TRÌNH ĐƯỜNG DÂY VÀ TRẠM BIẾN ÁP TỪ 110KV ĐẾN 500 KV:

1. Công trình Trạm biến áp:

1.1. TBA xây dựng mới:

Bảng 5

STT	Dung lượng TBA S (MVA)	Định mức tỷ lệ % (so với giá trị dự toán xây lắp trước thuế)
1	$16 < S \leq 25$	1,35
2	$25 < S \leq 40$	1,17
3	$40 < S \leq 63$	1,08
4	$63 < S \leq 125$	0,90
5	$125 < S \leq 250$	0,72
6	$250 < S \leq 450$	0,63
7	$450 < S \leq 600$	0,60

8	$S > 600$	0,57
---	-----------	------

1.2. TBA cải tạo, mở rộng, nâng công suất:

Áp dụng định mức tỷ lệ tại Bảng 5 và nhân với hệ số điều chỉnh $k_{dc} = 3,0$.

1.3. Các trường hợp khác:

a. Đối với trạm cắt có qui mô tương tự trạm biến áp: Áp dụng định mức tỷ lệ tại Bảng 5 với mức dung lượng máy biến áp tương ứng thấp nhất cho cấp điện áp trạm cắt.

b. Đối với trạm bù độc lập có qui mô tương tự trạm biến áp: Áp dụng định mức tỷ lệ tại Bảng 5 với mức dung lượng máy biến áp tương ứng dung lượng bù.

c. Đối với các ngăn máy biến áp, ngăn đường dây: Chi phí công tác nghiệm thu đóng điện bàn giao đã được xác định cùng với dự án (công trình) có ngăn thiết bị kèm theo.

1.4. Trạm biến áp hợp bộ kín (trạm GIS): Chi phí công tác nghiệm thu đóng điện bàn giao được lập dự toán riêng trình cấp có thẩm quyền phê duyệt.

2. Đường dây tải điện:

2.1. Xây dựng mới:

a. Đường dây tải điện trên không, 1 mạch:

Bảng 6

STT	Chiều dài tuyến đường dây L (km)	Định mức tỷ lệ % (so với giá trị dự toán xây lắp trước thuế)		
		Điện áp (kV)		
		110	220	500
1	$L \leq 5$	0,780	0,460	0,410
2	$5 < L \leq 15$	0,520	0,320	0,220
3	$15 < L \leq 25$	0,440	0,240	0,130
4	$25 < L \leq 35$	0,370	0,170	0,100
5	$35 < L \leq 50$	0,340	0,160	0,080
6	$50 < L \leq 75$	0,300	0,150	0,070
7	$75 < L \leq 100$	0,260	0,140	0,060
8	$100 < L \leq 150$	0,250	0,130	0,050
9	$150 < L \leq 200$	0,230	0,120	0,045
10	$200 < L \leq 250$	0,220	0,100	0,036
11	$L > 250$	0,160	0,080	0,027

b. Đường dây tải điện trên không nhiều mạch, có phân pha (hoặc không phân pha) trên 1 hàng cột:

- Đường dây tải điện trên không nhiều mạch (2, 3 và 4 mạch) có phân pha (hoặc không phân pha) trên một hàng cột có cùng cấp điện áp: Áp dụng định mức tỷ lệ qui định tại Bảng 6 .

- Đường dây tải điện trên không nhiều mạch (2 mạch, ≥ 3 mạch) có phân pha (hoặc không phân pha) trên 1 hàng cột khác cấp điện áp: Áp dụng định mức tỷ lệ qui định tại Bảng 6 để xác định mức tỷ lệ nội suy từ định mức tỷ lệ các cấp điện áp tương ứng.

2.2. Đường dây cải tạo nâng cấp:

Khi cải tạo nâng cấp đường dây tải điện trên không (1; 2; 3 và 4 mạch; có phân pha; hoặc không phân pha) trên một hàng cột có cùng cấp điện áp: Áp dụng định mức tỷ lệ qui định tại Bảng 6 và nhân với hệ số điều chỉnh $k_{dc}=1,5$. Trường hợp khác cấp điện áp vận dụng cách xác định như nêu trên.

2.3. Đường dây cáp đi cáp ngầm dưới đất: Chi phí công tác nghiệm thu đóng điện bàn giao được lập dự toán riêng trình cấp có thẩm quyền phê duyệt.
